

**KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2016**  
 HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành	Kết quả thi		
							Toán	BTCT	SBVL
1	LT001	Nguyễn Bình	An	Nam	03/03/1992	D580201	5.25	1.50	4.00
2	LT002	Đặng Tuấn	Anh	Nam	16/12/1990	D580201	7.25	5.00	5.25
3	LT003	Ngô Thị	Chinh	Nữ	07/10/1994	D580201	5.00	2.25	6.50
4	LT006	Bá Quang	Đàng	Nam	04/03/1993	D580201	5.75	6.75	3.50
5	LT009	Huỳnh Ngọc	Đĩnh	Nam	11/10/1992	D580201	5.00	1.75	7.75
6	LT011	Nguyễn Quang	Đức	Nam	03/12/1994	D580201	9.00	7.00	9.00
7	LT013	Huỳnh Vũ Trường	Giang	Nam	25/03/1993	D580201	7.00	5.00	6.00
8	LT014	Trương Quang	Giáp	Nam	20/07/1994	D580201	3.25	3.00	5.00
9	LT017	Nguyễn Như	Hiếu	Nam	16/02/1994	D580201	3.50	2.50	3.50
10	LT018	Huỳnh Văn	Huy	Nam	04/06/1992	D580201	7.50	6.25	8.75
11	LT019	Phạm Văn	Huỳnh	Nam	22/11/1991	D580201	8.00	3.75	8.25
12	LT020	Lê Anh	Khang	Nam	25/11/1994	D580201	6.50	3.50	7.75
13	LT021	Trần Ngọc	Khánh	Nam	17/02/1993	D580201	5.25	0.75	5.25
14	LT022	Nguyễn Văn	Khoa	Nam	12/12/1994	D580201	1.75	1.00	5.00
15	LT025	Lê Trung	Kiệt	Nam	21/12/1995	D580201	5.75	5.00	6.00
16	LT027	Võ Thành	Long	Nam	20/06/1993	D580201	6.50	7.00	7.25
17	LT028	Trần Tiến	Minh	Nam	24/09/1995	D580201	3.25	3.50	5.75
18	LT030	Đông Văn	Nam	Nam	20/08/1995	D580201	6.00	7.00	7.25
19	LT035	Bùi Văn	Phúc	Nam	24/03/1994	D580201	6.00	6.00	4.25
20	LT036	Phan Hải	Quân	Nam	03/10/1993	D580201	6.25	3.75	8.25
21	LT038	Nguyễn Việt	Quang	Nam	20/11/1990	D580201	8.00	5.50	7.75
22	LT039	Lê Trung	Quý	Nam	20/11/1994	D580201	8.25	5.25	7.50
23	LT040	Phan Văn	Sơn	Nam	26/10/1992	D580201	6.25	5.50	6.50
24	LT041	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	03/01/1994	D580201	6.75	6.00	5.50
25	LT042	Đặng Thành	Tân	Nam	21/01/1994	D580201	3.50	2.00	5.75
26	LT043	Võ Trường	Tấn	Nam	27/03/1991	D580201	6.00	5.00	6.00
27	LT044	Trần Quốc	Thanh	Nam	1992	D580201	5.75	6.25	6.00
28	LT045	Trương Công	Thanh	Nam	25/10/1990	D580201	4.25	7.00	7.25
29	LT046	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	20/08/1994	D580201	0.75	5.00	3.00
30	LT048	Phan Văn	Thanh	Nam	22/06/1995	D580201	2.25	3.00	1.75
31	LT049	Trần Phương	Thành	Nam	16/02/1988	D580201	2.75	6.50	2.25
32	LT051	Nguyễn Văn	Thành	Nam	19/05/1990	D580201	1.50	2.50	3.25
33	LT052	Hồ Văn	Thi	Nam	29/01/1993	D580201	2.25	5.00	5.25
34	LT053	Hà Trung	Thông	Nam	17/07/1993	D580201	5.25	6.25	5.00
35	LT054	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	24/04/1992	D580201	8.50	6.50	6.75
36	LT056	Lý Chánh	Tín	Nam	26/03/1994	D580201	5.00	7.00	7.00
37	LT057	Nguyễn Phước	Toàn	Nam	12/04/1993	D580201	7.50	7.50	8.50
38	LT058	Phạm Cao	Trí	Nam	06/10/1994	D580201	6.50	5.00	6.50
39	LT059	Huỳnh Minh	Trọng	Nam	02/04/1992	D580201	5.00	7.50	7.00

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành	Kết quả thi		
							Toán	BTCT	SBVL
40	LT060	Vương Kỳ	<b>Trung</b>	Nam	23/05/1988	D580201	8.00	6.25	9.50
41	LT061	Bùi Đức	<b>Trung</b>	Nam	09/08/1993	D580201	7.00	5.50	8.25
42	LT063	Hồ Anh	<b>Tuấn</b>	Nam	28/09/1995	D580201	2.75	2.00	3.00
43	LT064	Nguyễn Trọng	<b>Tuyên</b>	Nam	29/03/1985	D580201	4.25	3.25	4.00
44	LT065	Nguyễn Trọng	<b>Vấn</b>	Nam	10/09/1994	D580201	6.00	6.75	9.25
45	LT067	Lương Anh	<b>Vũ</b>	Nam	12/08/1992	D580201	6.50	5.75	5.25
46	LT068	Hồ Anh	<b>Vũ</b>	Nam	23/10/1992	D580201	7.00	6.75	7.50
47	LT070	Nguyễn Đình	<b>Vương</b>	Nam	20/01/1990	D580201	5.75	6.50	6.25
48	LT071	Lê Tuấn	<b>Anh</b>	Nam	01/01/1994	D580205	1.50	3.25	3.50
49	LT073	Nguyễn Khắc	<b>Bình</b>	Nam	30/11/1995	D580205	5.00	0.50	1.25
50	LT074	Nguyễn Văn	<b>Cảnh</b>	Nam	10/12/1990	D580205	7.00	3.00	6.75
51	LT076	Lường Việt	<b>Chung</b>	Nam	12/10/1995	D580205	3.00	5.00	5.25
52	LT077	Lê Quốc	<b>Cường</b>	Nam	30/04/1995	D580205	5.75	5.25	5.25
53	LT078	Lạc Văn	<b>Diệp</b>	Nam	12/06/1988	D580205	6.75	4.00	3.50
54	LT081	Nguyễn Tiên	<b>Dũng</b>	Nam	05/08/1993	D580205	6.75	6.25	9.50
55	LT084	Đặng Hữu	<b>Hà</b>	Nam	02/09/1995	D580205	4.25	3.50	3.50
56	LT086	Hồ Thức	<b>Hải</b>	Nam	05/03/1993	D580205	9.75	6.00	9.25
57	LT087	Vũ Đình	<b>Hải</b>	Nam	27/03/1994	D580205	0.25	5.75	2.50
58	LT089	Nguyễn Hoàng	<b>Hải</b>	Nam	21/06/1993	D580205	3.25	5.00	2.50
59	LT090	Lê Văn	<b>Hiên</b>	Nam	20/09/1980	D580205	3.00	6.00	0.25
60	LT091	Vũ Văn	<b>Hiếu</b>	Nam	24/02/1991	D580205	0.50	3.00	0.25
61	LT092	Nguyễn Thương	<b>Hoài</b>	Nam	20/07/1989	D580205	2.25	5.00	7.00
62	LT093	Lê Thái	<b>Hoàng</b>	Nam	12/12/1994	D580205	7.25	5.75	6.00
63	LT094	Huỳnh Xuân	<b>Hoàng</b>	Nam	31/01/1994	D580205	7.00	3.50	5.00
64	LT096	Nguyễn Minh	<b>Hùng</b>	Nam	13/01/1993	D580205	5.75	5.75	8.50
65	LT097	Vũ Minh	<b>Hùng</b>	Nam	18/03/1994	D580205	7.00	7.25	7.25
66	LT098	Trần Anh	<b>Huy</b>	Nam	17/11/1989	D580205	2.75	6.50	0.50
67	LT099	Nguyễn Quốc	<b>Khải</b>	Nam	12/04/1994	D580205	5.50	8.00	9.00
68	LT101	Hồ Phước	<b>Khoa</b>	Nam	02/04/1993	D580205	6.75	3.00	5.00
69	LT102	Nguyễn	<b>Khoa</b>	Nam	24/05/1995	D580205	0.75	0.00	0.00
70	LT103	Nguyễn Phương	<b>Khuong</b>	Nam	16/12/1993	D580205	7.50	5.00	4.00
71	LT106	Trương Hoàn	<b>Lâm</b>	Nam	02/09/1994	D580205	6.25	2.00	6.00
72	LT107	Lê Nhật	<b>Linh</b>	Nam	05/03/1995	D580205	6.00	4.00	5.00
73	LT108	Trần Văn	<b>Luân</b>	Nam	19/01/1990	D580205	3.25	5.25	3.25
74	LT109	Ngô Tấn	<b>Minh</b>	Nam	03/08/1995	D580205	5.00	1.75	7.00
75	LT110	Nguyễn Việt	<b>Nghĩa</b>	Nam	28/02/1993	D580205	8.50	7.50	7.25
76	LT111	Lê Trung	<b>Nguyên</b>	Nam	06/06/1992	D580205	5.00	3.75	8.25
77	LT112	Huỳnh Văn Phong	<b>Nhã</b>	Nam	25/07/1995	D580205	5.25	2.50	5.50
78	LT113	Ngô Hoài	<b>Nhũ</b>	Nam	06/06/1992	D580205	5.50	5.00	8.50
79	LT114	Trần Trung	<b>Nhựt</b>	Nam	20/10/1993	D580205	6.25	3.25	6.75
80	LT115	Nguyễn Thành	<b>Phong</b>	Nam	10/08/1994	D580205	6.25	5.00	6.25
81	LT117	Võ Trường	<b>Quân</b>	Nam	29/01/1994	D580205	5.25	3.00	7.00
82	LT119	Nguyễn Trường Vinh	<b>Quang</b>	Nam	13/12/1994	D580205	6.75	5.00	9.50
83	LT120	Châu Văn	<b>Qui</b>	Nam	05/05/1990	D580205	7.75	4.00	5.00

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành	Kết quả thi		
							Toán	BTCT	SBVL
84	LT121	Vũ Hoàng	<b>Quyết</b>	Nam	04/12/1995	D580205	4.25	3.75	7.00
85	LT122	Thái Hồng	<b>Sang</b>	Nam	22/04/1994	D580205	6.25	2.75	6.50
86	LT123	Nguyễn Văn	<b>Sang</b>	Nam	06/06/1992	D580205	7.00	5.25	6.00
87	LT124	Tôn Văn	<b>Sinh</b>	Nam	20/07/1992	D580205	8.75	9.25	9.25
88	LT125	Nguyễn Văn	<b>Sử</b>	Nam	28/08/1994	D580205	4.25	2.25	5.50
89	LT126	Lê Phúc	<b>Tân</b>	Nam	21/03/1989	D580205	6.50	3.00	6.50
90	LT127	Lê Minh	<b>Tân</b>	Nam	26/07/1994	D580205	6.50	1.50	5.00
91	LT128	Trang Nguyễn Sĩ	<b>Thái</b>	Nam	16/01/1995	D580205	7.75	3.75	8.50
92	LT129	Nguyễn Văn	<b>Thắng</b>	Nam	07/07/1991	D580205	5.00	4.00	5.00
93	LT130	Phạm Văn	<b>Thắng</b>	Nam	27/11/1990	D580205	5.25	4.25	6.00
94	LT131	Trần Ngọc	<b>Thanh</b>	Nam	18/03/1993	D580205	6.25	5.00	7.75
95	LT132	Đoàn Đức	<b>Thành</b>	Nam	10/06/1991	D580205	3.00	0.50	3.75
96	LT133	Đặng Bá	<b>Thi</b>	Nam	06/09/1994	D580205	5.00	1.50	6.25
97	LT136	Lương Anh	<b>Tiến</b>	Nam	02/04/1994	D580205	7.25	5.00	8.75
98	LT137	Trương Tiểu Tường	<b>Tộ</b>	Nam	01/01/1994	D580205	8.50	3.75	5.00
99	LT139	Phùng Văn	<b>Toàn</b>	Nam	02/08/1987	D580205	7.25	6.50	8.25
100	LT140	Nguyễn Quang	<b>Trại</b>	Nam	10/06/1994	D580205	6.25	6.50	7.50
101	LT141	Nguyễn Minh	<b>Triệu</b>	Nam	24/04/1995	D580205	7.00	4.00	8.25
102	LT142	Bùi Duy	<b>Trường</b>	Nam	19/10/1993	D580205	7.00	5.00	7.75
103	LT143	Phạm Minh	<b>Tuấn</b>	Nam	29/07/1993	D580205	5.00	3.75	5.75
104	LT144	Nguyễn Hữu	<b>Tùng</b>	Nam	10/12/1993	D580205	3.50	1.00	0.50
105	LT145	Trần Hữu	<b>Tùng</b>	Nam	11/07/1992	D580205	4.25	3.00	2.25
106	LT146	Vũ Thanh	<b>Tùng</b>	Nam	08/10/1990	D580205	6.25	2.00	3.75
107	LT147	Trần Quốc	<b>Việt</b>	Nam	30/03/1994	D580205	8.00	6.25	8.25
108	LT149	Nguyễn Tấn	<b>Vương</b>	Nam	08/01/1990	D580205	5.00	2.00	7.75
109	LT150	Phạm Thị	<b>Yến</b>	Nữ	04/10/1993	D580205	9.00	6.25	9.25

KT. CHỦ TỊCH HĐTS  
**PHÓ CHỦ TỊCH HĐTS**  
(đã ký)  
**PGS.TS Đồng Văn Hường**